

TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA THÀNH PHẦN LOÀI ỐC Ở CẠN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ĐẶNG NGỌC THANH

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Ở Việt Nam và vùng Đông Dương nói chung, cùng với ốc nước ngọt, ốc ở cạn cũng đã được điều tra nghiên cứu từ giữa thế kỉ XIX. Theo tài liệu đã biết (H. Fischer et Ph. Dautzenberg, 1891), các dẫn liệu đầu tiên về ốc ở cạn ở Việt Nam đã có trong các công trình khảo sát về trai ốc ở cạn vùng Đông Dương của Souleyet trong thời gian từ 1841 - 1842, trong đó đã ghi nhận một số loài ốc ở cạn ở miền trung Việt Nam (Annam) tìm thấy ở Tourane (Đà Nẵng) như *Streptaxis aberratus* Souleyet, *S. deflexus* Souleyet, *Eulota touranensis* Souleyet.

Cũng trong khoảng thời gian này (1848 - 1877) còn có những dẫn liệu về ốc ở cạn vùng Nam Bộ (Cochinchine) trong các công trình của L. Pfeiffer như *Streptaxis ebunus* Pfeiffer, *S. sinuosus* Pfeiffer, *Nanina cambojiensis* Reeve, *N. distincta* Pfeiffer, *Xesta cochinchinensis* Pfeiffer, *Trochomorpha saigonensis* Crosse.

Trong giai đoạn tiếp sau, vào nửa đầu thế kỉ XIX tới những năm 60 có những công trình nghiên cứu về ốc ở cạn ở vùng Nam Bộ (Cochinchine) và Trung Bộ (Annam). Có thể kể đến những công trình khảo sát và công bố rất cơ bản về ốc ở cạn vùng phía nam của những tác giả quan trọng khác như: Crosse et Fischer (1863, 1864, 1869), Mabile et Le Mesle (1866), Crosse (1867, 1868).

Dẫn liệu về ốc ở cạn vùng phía bắc Việt Nam còn rất ít trong thời gian nói trên, chỉ có số ít loài như *Camaena illustris* Pfeiffer có ghi trong công trình của Pfeiffer tìm thấy ở Lạng Sơn, *Alycaeus anceyi* Mabile thấy ở đảo Kebao, ghi trong công trình của Souleyet.

Các công trình nghiên cứu về ốc ở cạn ở vùng phía bắc Việt Nam chỉ xuất hiện nhiều trong nửa sau thế kỉ XIX. Trong những năm 60, ngoài những công trình nghiên cứu chung về ốc

ở cạn và ốc nước ngọt ở khu vực Bắc Bộ (Tonkin) trong những hoạt động khảo sát chung trong cả vùng Đông Dương, đã thấy có những công trình nghiên cứu riêng về ốc ở cạn, điều chưa thấy có trong thời gian trước đây, với hàng loạt loài mới được mô tả từ vùng đất này. Có thể kể đến những công trình quan trọng của những chuyên gia được biết đến nhiều như: Morlet (1886, 1891, 1892), Dautzenberg et Hamonville (1887), Dautzenberg (1893), Bavay et Dautzenberg (1899, 1900, 1901, 1903), Fischer (1848), Möllendorff (1901) Dautzenberg et Fisher (1905), Ancey (1888).

Trong thời gian nửa đầu thế kỉ XX, đặc biệt là trong thời kỳ chiến tranh thế giới và chiến tranh Việt Nam, việc nghiên cứu ốc ở cạn cũng như các nhóm ốc khác ở Việt Nam và vùng Đông Dương nói chung hầu như bị ngừng lại, ngoại trừ một số rất ít công trình khảo sát kết hợp với địa chất ở các đảo Hoàng Sa (Paracels) và Bạch Long Vĩ (Saurin, 1955, 1960) và một số điểm khác ở Bắc Bộ (S. Jaeckel, 1950; Varga, 1963).

Phải tới sau chiến tranh Việt Nam, cùng với các nhóm động vật khác, ốc ở cạn mới tiếp tục được chú ý nghiên cứu, tuy muộn hơn, bắt đầu bằng một số công trình khảo sát đầu tiên về thành phần và phân bố ốc ở cạn ở một số khu vực phía bắc Việt Nam như Pu Luông, Cúc Phương, Phủ Lý, Hạ Long, Cát Bà, Cẩm Phả của một số chuyên gia nước ngoài (Vermeulen và Maassen, 2003) trong chương trình khoa học quốc tế FFI. Với những phương pháp tài liệu nghiên cứu hiện đại, đặc biệt là sự đổi mới rất nhiều về tiêu chuẩn phân loại cũng như danh pháp phân loại của ốc ở cạn thế giới những kết quả đầu tiên thu được cho thấy triển vọng về những kết quả mới sẽ có được trong tương lai về nghiên cứu thành phần loài ốc ở cạn ở Việt Nam.

Một số nhận xét

Qua những tài liệu đã biết hiện nay có thể nêu một số nhận xét và đánh giá bước đầu về tình hình và kết quả nghiên cứu thành phần loài ốc ở cạn ở Việt Nam cho tới nay.

1. Trong khuôn khổ các hoạt động điều tra thành phần loài trai ốc nói chung ở vùng Đông Dương, ốc ở cạn ở vùng phía nam Việt Nam đã được khảo sát từ đầu thế kỷ XIX trong khi ở phía bắc chỉ được khảo sát từ những năm 60 của nửa sau thế kỷ này. Những hoạt động khảo sát ốc ở cạn đầu tiên ở Việt Nam cho tới những năm 50 giữa thế kỷ XX cũng vẫn chỉ do các nhà khoa học nước ngoài thực hiện, một số là quân nhân (L. Morlet). Nội dung các hoạt động nghiên cứu trong giai đoạn này chủ yếu là thống kê thành phần loài ở các vùng khác nhau.

2. Địa bàn khảo sát ốc ở cạn ở Việt Nam cho tới nay, có thể thấy chủ yếu là ở hai vùng cảnh quan: vùng núi phía bắc, phía tây nam, một số đảo ven bờ và vùng khơi. Ở vùng núi phía bắc, các địa điểm đã được khảo sát nhiều là vùng núi Đông Bắc (Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Cạn), vùng núi Tây Bắc (Yên Bái, Sơn La, Lai Châu), ở vùng núi Tây Nam là các tỉnh Tây Ninh, Thủ Dầu Một. Vùng đảo đã được khảo sát chỉ gồm một số ít đảo ở Vịnh Bắc Bộ (đảo Ba Mùn, Cát Bà, Ke Bao, vịnh Hạ Long, Bạch Long Vĩ), đảo Hoàng Sa (Saurin, 1955, 1960). Vùng đồng bằng và ven biển còn ít được khảo sát, các địa điểm đã được ghi nhận ở vùng phía bắc là Hải Phòng, ở vùng phía nam là Sài Gòn, Vĩnh Long, Đà Nẵng. Chỉ gần đây có thêm các địa điểm ở Phú Lý, Cúc Phương cũng đã được khảo sát (Vermeulen và Maassen, 2003). Như vậy, có thể thấy rằng: cho tới nay ốc ở cạn ở Việt Nam còn chưa được khảo sát đầy đủ ở các vùng cảnh quan tiêu biểu trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thành phần loài ốc ở cạn ở Việt Nam đã biết hiện nay bao gồm các loài ốc ở cạn đã thống kê được trong 3 giai đoạn tính từ đầu thế kỷ XIX cho tới nay.

a. Thành phần loài được tìm thấy và công bố trong các công trình nghiên cứu chung về trai ốc nước ngọt, ở cạn và ở biển ở vùng Đông Dương từ đầu thế kỷ XIX tới năm 1900, đã được tổng hợp trong công trình nghiên cứu tổng quan của P. Fischer về danh lục và phân bố địa lý của ốc ở cạn, nước ngọt và ở biển của một bộ phận lãnh

thổ Đông Dương (Fischer, 1891) và sau đó là trong báo cáo về phân động vật thân mềm của Fischer và Dautzenberg được công bố trong báo cáo tổng kết của đoàn khảo sát Pavie thực hiện trong lưu vực sông Mê Kông trong thời gian 1879 - 1895 (Fischer et Dautzenberg - trong Mission Pavie, 1904). Danh lục thống kê của các tác giả này bao gồm 448 loài và phân loài ốc ở cạn được tìm thấy ở nhiều địa điểm khác nhau ở Việt Nam bởi nhiều tác giả khác nhau, được công bố trong 83 tài liệu đã xuất bản từ năm 1841 tới 1900. Đây là số liệu về thành phần loài ốc ở cạn ở Việt Nam rất cơ bản hiện nay, tuy chắc chắn còn chưa đầy đủ và còn những vấn đề về phân loại học cần được xem xét.

b. Các loài tìm thấy trong giai đoạn sau, được công bố trong các công trình nghiên cứu của nhiều tác giả - có thể gọi là các công trình sau Fischer - từ 1900 cho tới thời gian hết chiến tranh Việt Nam (1975). Trong số này có thể kể đến các công trình của: Gude (1909); Jaekel, 1950; Varga, 1963; Szekereles Miklos, 1969; Saurin, 1955, 1963. Các công trình nghiên cứu trong giai đoạn này đã bổ sung 82 loài cho khu hệ ốc ở cạn ở Việt Nam trong 103 loài thống kê được với nhiều loài mới, tìm thấy trên các đảo ven bờ và vùng núi Nghệ An.

c. Các loài được tìm thấy và công bố trong thời gian gần đây tới sau chiến tranh, trong công trình khảo sát của Vermeulen và Maassen (2003) ở các đảo Vịnh Hạ Long, Pu Luông, Phú Lý và Cúc Phương. Tuy thời gian khảo sát ngắn và địa bàn khảo sát hạn chế song công trình đã công bố một số lượng loài lớn ốc ở cạn, bao gồm 259 loài thuộc các họ, giống khác nhau, trong đó có 246 loài được bổ sung cho thành phần loài đã được công bố trước đây. Đáng chú ý là trong số các loài được bổ sung có 120 loài còn chưa xác định được vị trí phân loại, có thể là các loài mới cho khoa học.

Tổng hợp các kết quả điều tra thống kê về thành phần loài ốc ở cạn ở Việt Nam cho tới nay ở Việt Nam qua cả 3 giai đoạn trên đã có 776 loài và phân loài ốc ở cạn đã được tìm thấy thuộc các họ sau:

Prosobranchia:

Cyclophoridae, Diplommatinidae, Heliconidae, Hydrocenidae, Pupinidae.

Pulmonata:

Achatinellidae, Achatinidae, Ariophantidae, Bradybaenidae, Camaenidae, Clausiliidae, Endodontidae, Enidae, Euconulidae, Helicarionidae, Plectopylinidae, Siphonaridae, Streptaxidae, Strobilopsidae, Subulinidae, Trichomorphidae, Vertiginidae, Bulimulidae.

4. Có thể có một số nhận xét bước đầu về đặc điểm thành phần loài ốc ở cạn ở Việt Nam.

a. Thành phần loài ốc Có mang ở cạn (Prosobranchia) tương đối phong phú, số loài tuy ít hơn ốc Có phổi song cũng gồm tới 112 loài trong đó các giống *Cyclophorus* (30 loài), *Alycaeus* (11), *Pupina* (15) là những giống có số loài nhiều hơn cả. Số loài ốc Có mang nhiều và đa dạng có thể liên quan tới khí hậu ẩm, đặc biệt trong các hang động đá vôi, nơi thấy nhiều loài thuộc nhóm ốc này sinh sống.

b. Thành phần loài ốc Có phổi (Pulmonata) ở cạn chiếm đa số trong thành phần loài ốc ở cạn đã biết hiện nay ở Việt Nam. Các giống có số loài nhiều nhất là: *Microcystina* (Ariophantidae, 28 loài), *Clausilia* (Clausiliidae, 63), *Camaena* (Camaenidae, 20), *Chloritis* (Camaenidae, 17), *Ganesella* (Camaenidae, 17), *Plectopylis* (Plectopylinidae, 29), *Streptaxis* (Streptaxidae, 24), *Amphidromus* (Bulimulidae, 27). Cần lưu ý là hệ thống phân loại họ, giống ốc ở cạn hiện nay đã thay đổi rất nhiều so với trước đây, nhất là ở bậc giống, theo xu hướng phân thành nhiều giống mới, đặc biệt là các giống *Camaena*, *Clausilia*, *Streptaxis*, vì vậy số liệu về thống kê giống loài trên đây căn cứ theo các tài liệu cũ chỉ có giá trị tham khảo, cần được xem xét cả về phân loại học và về danh pháp phân loại.

c. Thành phần loài ốc ở cạn đã biết hiện nay, như trên đã nói, chỉ mới được thu thập chủ yếu ở vùng núi phía bắc, một phần vùng núi phía nam và một số đảo, vì vậy, chắc chắn còn chưa phải đã thể hiện đầy đủ thành phần loài thực có ở Việt Nam, đặc biệt là còn chưa có dẫn liệu về thành phần loài vùng núi miền trung (Tây Nguyên), vùng đồng bằng và duyên hải cũng như hệ thống các đảo ven bờ. Trong công trình khảo sát gần đây của Vermeulen và Maassen (2003) ở một số điểm vùng phía bắc Việt Nam (Vịnh Hạ Long, Cúc Phương, Phủ Lý) đã phát hiện hàng loạt loài có khả năng là loài mới cho

khoa học. Do đó có thể nhận xét rằng nếu được khảo sát đầy đủ trên toàn bộ lãnh thổ và nghiên cứu đầy đủ về phân loại học, thành phần loài ốc ở cạn Việt Nam chắc chắn còn phong phú hơn nhiều so với những gì đã biết hiện nay.

5. Với những tư liệu đã biết về thành phần loài, chưa thể có được những đánh giá đầy đủ về đặc trưng và quan hệ của khu hệ ốc ở cạn Việt Nam với các vùng khác trong khu vực và mặt địa động vật học. Tuy nhiên, bước đầu, có thể nêu một số nhận xét sau:

a. Thành phần loài ốc ở cạn ở vùng phía bắc Việt Nam gần với ốc ở cạn phía Nam Trung Quốc, với nhiều loài có chung ở cả hai khu vực. Bên cạnh đó, thành phần loài ốc ở cạn vùng phía nam Việt Nam lại có nhiều quan hệ với ốc ở cạn phía nam Đông Dương: Thái Lan, Lào, Campuchia.

b. Tính chất đặc trưng về thành phần loài ốc ở cạn của Việt Nam, đặc biệt là của vùng phía bắc Việt Nam thể hiện rõ rệt ở nhiều đặc điểm. Có thể chỉ ra hàng loạt các loài đặc trưng cho Việt Nam, chưa thấy trong các khu vực còn lại của vùng Đông Dương. Trên cơ sở các tài liệu có được thời đó, Fischer (1904) đã có một số nhận xét sau về đặc trưng và quan hệ của khu hệ ốc ở cạn vùng Đông Dương, trong đó có Việt Nam. Theo tác giả này trong thành phần loài ốc ở cạn vùng Đông Dương, ốc Có mang (Prosobranchia) phát triển đáng kể chiếm khoảng 1/3 số loài ốc ở cạn vùng này. Tính chất riêng biệt của thành phần loài ốc ở cạn vùng Đông Dương dễ nhận thấy ở thành phần các loài hơn là các giống. Số loài chung với các vùng lân cận tương đối ít. Trong số 310 loài đã thấy ở Đông Dương chỉ có khoảng 20 loài chung với Myanmar, 23 loài với Trung Quốc, khoảng 15 loài chung với Malaysia, 18 loài với Indonesia, 7 loài với Philippin và khoảng 10 loài chung với Ấn Độ và Srilanka (Fischer, trong Mission Pavie, 1904).

Tình hình và những kết quả trên đây về thành phần loài đã biết của ốc ở cạn ở Việt Nam cho thấy tính chất đa dạng phong phú của nhóm ốc này ở Việt Nam, mà những hiểu biết hiện nay của ta còn rất hạn chế. Điều này đặt ra nhiệm vụ tiếp tục mở rộng việc điều tra thống kê thành phần loài, một mặt tổ chức điều tra đầy đủ có hệ thống các vùng cảnh quan sinh thái trong toàn vùng lãnh thổ, cùng với việc xem xét lại các tư liệu đã có về ốc ở cạn ở Việt Nam, cập nhật với

những đổi mới, phát triển của phân loại học ốc ở cận thế giới. Mặt khác, xúc tiến việc nghiên cứu vai trò của ốc ở cạn trong thiên nhiên và xã hội, làm rõ tầm quan trọng, giá trị khoa học và thực

tiễn của nhóm ốc này, đặc biệt là ý nghĩa chỉ thị sinh học đối với tình trạng môi trường cũng như vai trò đối với điều kiện sinh thái và tác nhân truyền bệnh của chúng trong thiên nhiên.

Bảng

Tổng hợp số loài ốc ở cạn ở Việt Nam đã thống kê được cho tới nay

Giai đoạn công bố	Số loài đã công bố	Số loài đã bổ sung	Nguồn số liệu
1840 - 1900	448	448	Fischer et Dautzenberg, 1904
1901 - 1975	103	82	Gude, 1909; Jaeckel, 1950; Saurin, 1955, 1960; Szekerles, 1969; Varga, 1963
Sau 1975	259	246	Vermeulen et Maassen, 2003
Tổng số	810	776	

Danh lục các loài ốc ở cạn đã thống kê được ở Việt Nam cho tới hiện nay

I. Các loài đã thống kê được trong giai đoạn 1840 - 1900 (theo H. Fischer và Dautzenberg, 1904)

A. Phân lớp ốc Có phổi (Pulmonata)

Giống Streptaxis Gray

1. *Streptaxis aberratus* Souleyet
2. *Streptaxis anceyi* Mabilie
3. *Streptaxis bougruignati* Mabilie
4. *Streptaxis bulbulus* A. Morelet
5. *S. (Eustreptaxis) costulatus* von Mar.
6. *S. subsp. subcostulatus* Möll.
7. *S. (Odontartemon) cristatellus* Möll.
8. *Streptaxis deflexus* Louleyet
9. *Streptaxis diespiter* Mabilie
10. *Streptaxis diplodon* Möll.
11. *Streptaxis (Eustreptaxis) dorri* Daut.
12. *Streptaxis dugasti* L. Morlet
13. *Streptaxis eburneus* Pfeiffer
14. *Streptaxis fagoti* Mabilie
15. *Streptaxis fischeri* L. Morlet
16. *S. fischeri* L. Mor. Var, minor (Frühstorfer)
17. *Streptaxis frühstorferi* Möll.
18. *Streptaxis michau* Crosse et Fischer
19. *S. mouhoti* Pfei. var Joh. E. von Mar.
20. *Streptaxis pachylottis* Möll.
21. *S. (Discartemon) paradiscus* Möll.
22. *Streptaxis poirieri* Mabilie
23. *Streptaxis simonianus* Heude
24. *Streptaxis sinuosus* Pfeiffer

Giống Ennea H. et A. Adams

25. *Ennea atomaria* Daut.
26. *Ennea bicolor* Hutton
27. *Ennea calva* Dautzenberg
28. *Ennea (Diaphora) densecostulata* Mö.
29. *Ennea (Microstrophia) irregularis* Möll.
30. *Ennea (Microstrophia) plagiostoma* Möll.

Giống Helicarion Ferussac

31. *Helicarion cochinchinensis* A. Morelet
- Helicarion (Cryptosoma) fragile* Möll.
32. *Helicarion (Cryptosoma) imperator* Gould
33. *Helicarion (Cryptosoma) imperator* G. subsp. *brunneus* Möll.
34. *Helicarion maleficus* Mabile
35. *Helicarion paviei* L. Morlet
36. *Helicarion rondonyi* H. Fischer
37. *Helicarion russeolus* A. Morelet
38. *Helicarion siamensis* Haines
39. *Helicarion tongkingensis* Möll.
40. *Helicarion uiguiculus* A. Morelet

Giống Otesia H. et A. Adams

41. *Otesia annamitica* Möll.
42. *Otesia confinis* Möll.
43. *Otesia globulosa* Möll
44. *Otesia ochthogyra* Moll.
45. *Otesia sculptilis* Moll.
46. *Otesia subangulata* Moll.
47. *Otesia ochthogyra* Möll.
48. *Otesia sculptilis* Möll.
49. *Otesia subangulata* Möll.
50. *Otesia tecta* Soul. (Vitrina)

Giống Nanina Gray (Nanina S. S)

51. *Nanina cambojensis* Reeve (Helix)
52. *Nanina* sp. [Hugonis L. Morlet. (non P.)]

Phân giống Rhysota Albers

53. *Rhysota distincta* Pfei.
54. *Rhysota distincta* Pfei. var. *funerea* S.
55. *Rhysota distincta* Pfei. var. *pallidior* S.
56. *Rhysota pergrandis* Smith
57. *Rhysota pluto* Pfei.

Phân giống Hemiplecta Albers

58. *Hemiplecta crossei* Pfei.
59. *Hemiplecta platytania* Möll.
60. *Hemiplecta weinkauffiana* Cros. et Fis.
61. *Hemiplecta weinkauffiana* Cros. et Fis. var. *minor*.
62. *Hemiplecta weinkauffiana* Cros. et Fis. subsp. *inflata* Möll.

Phân giống Sitala Adams

63. *Sitala triolata* Möll.

Phân giống Xesta Albers

64. *Xesta cidaris* Lamarck (Helix)
65. *Xesta cochinchinensis* Pfei.
66. *Xesta naninoides* Benson (Helix)

Phân giống Xestina Pfeiffer

67. *Xestina denserugata* Möll.
68. *Xestina pharangensis* Möll.
69. *Xestina tenera* Möll.

Phân giống Macrochlamys Benson

70. *Macrochlamys alluaudi* Daut.
71. *Macrochlamys benoiti* Cros. et Fis. (Zon.)
72. *Macrochlamys cryptorhapha* Möll.
73. *Macrochlamys declivis* Möll.
74. *Macrochlamys euspira* Möll.
75. *Macrochlamys promiscua* Smith
76. *Macrochlamys stenogyra* Möll.
77. *Macrochlamys tenuigranosa* Daut.

Phân giống Microcystis Beck

78. *Microcystis mirmido* Dautzenberg

Phân giống Microcystina Möllendorff

79. *Microcystina leucocystis* Möll.
80. *Microcystina mausonensis* Möll.
81. *Microcystina opaca* Möll.
82. *Microcystina tongkingensis* Möll.

Phân giống Lamprocystis Pfeiffer

83. *Lamprocystis annamitica* Möll.

Phân giống Oxytes Pfeiffer

84. *Oxytes euterpe* Pfeiffer

Phân giống Sesara Albers

85. *Sesara annamitica* Cros. et. Fis

86. *Sesara bougeri* Cros. et Fis.

87. *Sesara despecta* Mabilille

88. *Sesara excepta* Mabilille

89. *Sesara infima* Mabilille

90. *Sesara vernacula* Mabilille

91. *Sesara zero* Mabilille

Giống Hyalinia Ferussac

92. *Hyalinia billeheusti* Cros. et Fis.

93. *Hyalinia difficilis* Möll.

94. *Hyalinia dolichoconus* Möll.

95. *Hyalinia dorri* Wattebled (Helix)

96. *Hyalinia gradata* Möll.

97. *Hyalinia haiphongensis* Daut.

98. *Hyalinia huensis* Wattebled

99. *Hyalinia regularis* Möll.

100. *Hyalinia tongkingensis* Möll.

Giống Limax linnaeus

101. *Limax (Ibycus) siamensis* Cockerell

Giống Parmarion P. Fischer

102. *Parmarion cambodiensis* Simroth

103. *Parmarion martenis* Simroth

Giống Microparmarion Simroth

104. *Microparmarion andamanica* W. E. Col.

105. *Microparmarion brunneopallescens* Col.

Giống Myotesta W. E. Collinge

106. *Myotesta fruhstorferi* Collinge

107. *Myotesta punctata* Collinge

Giống Philomycus Rafinesque

108. *Philomycus dendriticus* Collinge

Giống Otracolethe Simroth

109. *Otracolethe fruhstorferi* Sim. (em.)

Giống Trochomorpha Albers

110. *Trochomorpha hamonvillei* Daut. mss.

111. *Trochomorpha (Sivella) montana* Möll.

112. *Trochomorpha paviei* L. Morlet

113. *Trochomorpha saigonensis* C. (Helix)

114. *Trochomorpha sapeca* Heude (Helix)

115. *Trochomorpha subtricolor* Mabilille

Giống Camaena Albers

116. *Camaena bathmophora* Mabilille

117. *Camaena billeti* H. Fischer

118. *Camaena cicatricosa* Müller

119. *Camaena cicatricosa* Müll. var. *major*.

120. *Camaena cicatricosa* Müll. var. *inflata* Möll.

121. *Camaena gabrielle* Daut.

122. *Camaena hahni* Mabilille

123. *Camaena illustris* Pfei.

124. *Camaena illustris* P. var. *vanbuensis* S.

125. *Camaena illustris* Pfei. var. minor
 126. *Camaena jaculata* Mabilie
 127. *Camaena lavezzari* Bav. et Daut.
 128. *Camaena longsonensis* L. Morlet
 129. *Camaena pachychila* (S. mss.) Pil.
 130. *Camaena subrafusca* Möll.
 131. *Camaena vorvonga* Bav. et Daut.
 132. *Camaena xanthoderma* Möll.
 Phân giống *Camænella* Pilsbry
 133. *Camænella fruhstorferi* Möll.
 134. *Camænella nigricans* Möll.
 Phân giống *Neocepolis* Pilsbry
 135. *Neocepolis langsonensis* Bav. et Daut.
 136. *Neocepolis morleti* Daut. et d'Ham.
 Giống *Planispira* Beck
 137. *Planispira gabata* Gould
 Giống *Chloritis* Beck
 138. *Chloritis athrix* Möllendorff
 139. *Chloritis balansai* L. Morlet
 140. *Chloritis condoriana* Cros. et Fis.
 141. *Chloritis deliciosa* Pfeiffer
 142. *Chloritis durandi* Bav. et Daut.
 143. *Chloritis gereti* Bav. et Daut.
 144. *Chloritis insularis* Möll.
 145. *Chloritis lambineti* Bav. et Daut.
 146. *Chloritis lemeslei* L. Morlet
 147. *Chloritis mausonensis* Möll.
 148. *Chloritis marimberti* Bav. et Daut
 149. *Chloritis miara* Mabilie
 150. *Chloritis remoratrix* L. Morlet
 151. *Chloritis rhinocerotica* Heude
 152. *Chloritis setatisecta* Rochebrune
 153. *Chloritis tranqueyrei* Cros. et Fisc.
 Giống *Plectopylis* Benson
 154. *Plectopylis anceyi* Gude
 155. *Plectopylis anoplion* Möll.
 156. *Plectopylis bavayi* Gude
 157. *Plectopylis (Endoplion) choanomphala*
 Möll.
 158. *Plectopylis congesta* Gude
 159. *Plectopylis dautzenbergi* Gude
 160. *Plectopylis (Sinicola) emigrans* Möll.
 161. *Plectopylis fischeri* Gude
 162. *Plectopylis francoisi* H. Fischer
 163. *Plectopylis (Sinicola) fruhstorferi* Möll.
 164. *Plectopylis giardi* H. Fischer
 165. *Plectopylis (Endoplion) hirsuta* Möll.
 166. *Plectopylis jovia* Mabilie
 167. *Plectopylis jovia* Mabilie var. minor

168. *Plectopylis lepida* Gude
 169. *Plectopylis persimilis* Gude
 170. *Plectopylis phlyaria* Mabilie
 171. *Plectopylis quadrilamellata* Möll.
 172. *Plectopylis schlumbergeri* L. Morlet
 173. *Plectopylis simulans* Gude
 174. *Plectopylis tenuis* Gude
 175. *Plectopylis villedaryi* Ancey
 Giống *Pyrochilus* Pilsbry
 176. *Pyrochilus dugasti* L. Morlet
 Giống *Chalepotaxis* Ancey
 177. *Chalepotaxis infantilis* Gredler
 Giống *Ganesella* Blandford
 178. *Ganesella concavospira* Möll.
 179. *Ganesella coudeini* Bav. et Daut.
 180. *Ganesella eximia* Möll.
 181. *Ganesella galera* Heude
 182. *Ganesella oxytropis* Möll.
 183. *Ganesella perakensis* Crosse
 184. *Ganesella phonicus* Mabilie
 185. *Ganesella platyconus* Möll.
 186. *Ganesella rostellata* Pfei.
 187. *Ganesella saurivonga* B. et D.
 188. *Ganesella straminea* Möll.
 189. *Ganesella vatheleti* B. et D.
 Giống *Eulota* Hartmann
 190. *Eulota jourdyi* L. Morlet
 191. *Eulota jourdyi* L. Morlet subsp. *monticola*
 Möll.
 192. *Eulota jourdyi* L. M. var. *rufocincta*
 193. *Eulota jourdyi* L. M. var. *minor*
 194. *Eulota similis* Ferussac
 195. *Eulota touranensis* Souleyet
 196. *Eulota touranensis* S. subsp. *robusta* Möll.
 Giống *Plectotropis* von Martens
 197. *Plectotropis bonnieri* H. Fischer
 198. *Plectotropis chondroderma* Möll.
 199. *Plectotropis repanda* Pfeiffer
 Phân giống *Euhadra* Pilsbry
 200. *Euhadra fauveli* B. et D.
 201. *Euhadra massiei* L. Morlet
 202. *Euhadra pseudo-papuina* Möll.
 Phân giống *Möllendorffia* Ancey
 203. *Möllendorffia callitricha* Bav. et Daut.
 204. *Möllendorffia loxotatum* Mabilie
 205. *Möllendorffia messengeri* Bav. et Daut.
 206. *Möllendorffia spurca* Bav. et Daut.
 207. *Möllendorffia spurca* Bav. et Daut. subsp.
deflexa Möll.

208. *Helix onestera* Mabilie
 209. *Helix onestera* Mabilie var. *albina*
 210. *Helix onestera* Mabilie var. *cincta*
 211. *Helix struposa* Mabilie
 212. *Helix tenellula* Mabilie
 213. *Helix amphi-cora* Mabilie
 214. *Helix dectica* Mabilie
 215. *Helix baphica* Mabilie
- Phân giống Amphidromus Albers**
216. *Amphidromus adamsi* Reeve
 217. *Amphidromus chloris* Reeve
 218. *Amphidromus cochinchinensis* Pfeiffer
 219. *Amphidromus comes* Pfei.
 220. *Amphidromus costifer* Smith
 221. *Amphidromus dautzenbergi* H. Ful.
 222. *Amphidromus dohrni* Pfei.
 223. *Amphidromus eques* Pfeiffer
 224. *Amphidromus eudeli* Ancey
 225. *Amphidromus flavus* Pfei.
 226. *Amphidromus fultoni* Ancey
 227. *Amphidromus ingens* Möll.
 228. *Amphidromus interruptus* Müller
 229. *Amphidromus inversus* Müller
 230. *Amphidromus leucoxanthus* von Martens
 231. *Amphidromus metableta* Möll.
 232. *Amphidromus metableta* Möll. subsp. *pachychilus* Möll.
 233. *Amphidromus metableta* Möll. subsp. *insularis* Möllend
 234. *Amphidromus nigrofilosus* Roch.
 235. *Amphidromus perrieri* Rochebrune
 236. *Amphidromus placostylus* Möllendorff
 237. *Amphidromus porcellanus* Mousson
 238. *Amphidromus pulchellus* Möllend
 239. *Amphidromus rhodostylus* Möll.
 240. *Amphidromus smithi* Fulton
 241. *Amphidromus smithi* Fulton subsp. *ventrosula* Möll.
 242. *Amphidromus sultanus* Lamarck
- Giống Bocourtina Rochebrune**
243. *Bocourtina fasciata* Rochebrune
 244. *Bocourtina limneformis* Rochebrune
- Giống Buliminus Ehrenberg**
245. *Buliminus chaudocensis* Rochebrune
 246. *Buliminus mantongensis* Kobelt
 247. *Buliminus messengeri* Bav. et Daut.
 248. *Buliminus messengeri* Bav. et Daut. subsp. *mausonensis* Möll.
 249. *Buliminus siamensis* Redfield
250. *Buliminus vignei* Rochebrune
- Giống Vertigo Müller**
251. *Vertigo (Staurodon) moreleti* Brown
 252. *Vertigo (Staurodon) moreleti* Brown subsp. *samuiana* Möllendorff
- Giống Hypselostoma Benson**
253. *Hypselostoma annamiticum* Möll.
 254. *Hypselostoma brevituba* Möll.
 255. *Hypselostoma crossei* L. Morlet
 256. *Hypselostoma crossei* L. Morlet subsp. *endodonta*
 257. *Hypselostoma rochebrunei* Mabilie
- Giống Tonkinia Mabilie**
258. *Tonkinia mirabilis* Mabilie
- Giống Clausilia Draparnaud**
259. *Clausilia apiostoma* Möll.
 260. *Clausilia arduiniana* Heude
 261. *Clausilia auricon* Bav. et Daut.
 262. *Clausilia babeensis* Bav. et Daut.
 263. *Clausilia backanensis* Bav. et Daut.
 264. *Clausilia bernardii* Pfei.
 265. *Clausilia billeti* H. Fischer
 266. *Clausilia callistoma* Bav. et Daut.
 267. *Clausilia callistomella* Bav. et Daut.
 268. *Clausilia cochinchinensis* Pfeiffer
 269. *Clausilia coudeixi* Bav. et Daut.
 270. *Clausilia coudeixi* Bav. et Daut. var. *minor*
 271. *Clausilia dautzenbergi* Möll
 272. *Clausilia dichroa* Bav. et Daut
 273. *Clausilia diplochilus* Möll.
 274. *Clausilia dorri* Bav. et Daut.
 275. *Clausilia dorri* Bav. et Daut. var. *cristata* B. et D.
 276. *Clausilia dorri* Bav. et Daut. var. *minor* B. et D.
 277. *Clausilia dorri* Bav. et Daut. var. *elongata* B. et D.
 278. *Clausilia duella* Mabilie
 279. *Clausilia eupleura* Bav. et Daut.
 280. *Clausilia falcifera* Bav. et Daut.
 281. *Clausilia falcifera* Bav. et Daut. subsp. *montata* Möll.
 282. *Clausilia fargesiana* L. Morlet
 283. *Clausilia freyi* Bav. et Daut.
 284. *Clausilia gastroides* Möll.
 285. *Clausilia gastrum* Möllendorff
 286. *Clausilia gastrum* Möll. subsp. *ventriculus* Möll.
 287. *Clausilia gereti* Bav. et Daut.

288. *Clausilia gisota* Bav. et Daut.
 289. *Clausilia gisota* Bav. et Daut. subsp. *platyloma* Möll.
 290. *Clausilia grangeri* Bav. et Daut.
 291. *Clausilia grangeri* Bav. et Daut. subsp. *apiostoma* Möll.
 292. *Clausilia hamonvillei* Bav. et Daut.
 293. *Clausilia horrida* Mabilie
 294. *Clausilia houssayi* H. Fischer
 295. *Clausilia lemyrei* Bav. et Daut.
 296. *Clausilia lypra* Mabilie
 297. *Clausilia lyteostoma* Möll.
 298. *Clausilia mausonensis* Möll.
 299. *Clausilia messengeri* Bav. et Daut.
 300. *Clausilia montana* Möll.
 301. *Clausilia mouhoti* Pfei.
 302. *Clausilia ophthalmophana* Mabilie
 303. *Clausilia orientalis* Mabilie
 304. *Clausilia paviei* L. Morlet
 305. *Clausilia platyloma* Möll.
 306. *Clausilia polydonta* Möll.
 307. *Clausilia rhopaloides* Möll.
 308. *Clausilia rhopaloides* Möll. subsp. *leptospira* Möll.
 309. *Clausilia rhopaloides* Möll. subsp. *microthya* Möll.
 310. *Clausilia rhopaloides* Möll. subsp. *kebavica* Möll.
 311. *Clausilia rugifera* Möllendorff
 312. *Clausilia ruminiformis* Mabilie
 313. *Clausilia semipolita* Bav. et Daut.
 314. *Clausilia stenothyra* Möllendorff
 315. *Clausilia sykesi* Bav. et Daut.
 316. *Clausilia thatkheana* Bav. et Daut.
 317. *Clausilia thatkheana* Bav. et Daut. var. *minor* B. et D.
 318. *Clausilia thatkheana* Bav. et Daut. var. *obesa* B. et D.
 319. *Clausilia theristica* Mabilie
 320. *Clausilia vanbuensis* Bav. et Daut.
 321. *Clausilia vatheleti* Bav. et Daut.

Giống Opeas Albers

322. *Opeas carinata* Wattebled
 323. *Opeas fagoti* Mabilie
 324. *Opeas gracilis* Hulton
 325. *Opeas hedeius* Mabilie
 326. *Opeas panayensis* Pfeiffer

Giống Glessula Albers

327. *Glessula paviei* L. Morlet

Giống Spiraxis C. B. Adams

328. *Spiraxis (Euspiraxis) mira* Gredler
 329. *Spiraxis pfeifferi* Menke

Giống Subulina Beck

330. *Subulina servaini* Mabilie
 331. *Subulina cochinchinensis* Pfeiffer
 332. *Subulina imbricata* Rochebrune (*Amphibulima*)
 333. *Subulina tenella* A. Morelet

Giống Vaginula Férussac

334. *Vaginula chaudocensis* Roc. em. (*Veronicella*)
 335. *Vaginula crosseana* Mabilie
 336. *Vaginula fruhstorferi* Collinge sp.
 337. *Vaginula himerta* Col. (*Veronicella*)
 338. *Vaginula titanotona* Roc. (*Veronicella*)
 339. *Vaginula touranensis* Souleyet

B. Phân lớp ốc Có mang (Prosobranchia)

Giống Heteropoma

340. *Heteropoma tongkingensis* Möll.

Giống Procyclus Fischer

341. *Procyclus gassiesianus* Crosse
 342. *Procyclus kebavicus* Frühstorfer
 343. *Procyclus sordidus* Pfei.
 344. *Procyclus tongkingensis* Möll.
 345. *Procyclus touranensis* Souleyet
 346. *Procyclus tubiformis* Möll.

Giống Dasytherion Mabilie

347. *Dasytherion locardi*
 348. *Dasytherion tonkinianum* Mabilie

Giống Opisthoporus Benson

349. *Opisthoporus biciliatus* Mousson
 350. *Opisthoporus cochinchinensis* Pfei.

Giống Rhiostoma Benson

351. *Rhiostoma simonianum* H. (*Opisthoporus*)
 352. *Rhiostoma tenerum* Menke

Giống Cyclophorus Montfort

353. *Cyclophorus amoenus* Pfei.
 354. *Cyclophorus annulatus* Troschel
 355. *Cyclophorus aquila* Sowby
 356. *Cyclophorus consociatus* Smith
 357. *Cyclophorus coopertus* Heude
 358. *Cyclophorus courbeti* Ancy
 359. *Cyclophorus dodrans* Mabilie
 360. *Cyclophorus eudeli* Smith
 361. *Cyclophorus floridus* Pfeiffer
 362. *Cyclophorus fulguratus* Pfeiffer
 363. *Cyclophorus ignilabris* Möll.
 364. *Cyclophorus jourdyi* L. Morlet

365. *Cyclophorus jourdyi* L. Morlet var. *longsonensis*

366. *Cyclophorus labiosus* Pfei.

367. *Cyclophorus massiei* L. Morlet

368. *Cyclophorus monachus* A. Morelet

369. *Cyclophorus paviei* L. Morlet

370. *Cyclophorus polystictus* Möll.

371. *Cyclophorus penctatus* Grateloup

372. *Cyclophorus saturnus* Pfei.

373. *Cyclophorus siamensis* Sowerby

374. *Cyclophorus tetrachrous* Mabilie

375. *Cyclophorus theodori* Ancey

376. *Cyclophorus tornatus* L. Morlet

377. *Cyclophorus unicus* Mabilie

378. *Cyclophorus volvulus* Müller

379. *Cyclophorus zebrius* Benson

Giống Myxostoma Troschel

380. *Myxostoma breve* Martyn

Giống Pseudopomatias

381. *Pseudopomatias fulvus* Möll.

Giống Platyrrhaphé

382. *Platyrrhaphé leucacme* Möll.

Giống Pterocyclus Benson

383. *Pterocyclus anguliferus* Souleyet

384. *Pterocyclus berthe* Dautzenberg

385. *Pterocyclus danieli* L. Morlet

386. *Pterocyclus frühstorferi* Möll.

387. *Pterocyclus marioni* Ancey

388. *Pterocyclus planorbulus* Lamarck

389. *Pterocyclus vanbuensis* Smith

Giống Leptopoma L. Pfeiffer

390. *Leptopoma annamiticum* Möll.

391. *Leptopoma condorianum* C. et F.

392. *Leptopoma duplicatum* Pfeiffer

393. *Leptopoma insigne* Sowerby

394. *Leptopoma mouhoti* Pfeiffer

395. *Leptopoma tayninensis* Heude

396. *Leptopoma vitreum* Lesson

Giống Lagochilus Blanford em.

397. *Lagochilus altispirum* Möll.

398. *Lagochilus costulatum* Möll.

399. *Lagochilus crossei* L. Morlet

400. *Lagochilus diploloma* Möll.

401. *Lagochilus fischeri* L. Morlet

402. *Lagochilus hagenmülleri* Mabilie

403. *Lagochilus hypselospirum* Möll.

404. *Lagochilus insulare* Möll.

405. *Lagochilus insulare* Möll. subsp. *minutum* Möll.

406. *Lagochilus mariei* L. Morlet

407. *Lagochilus mendicans* Möll.

408. *Lagochilus minutus* Möll.

Giống Pupina Vignard

409. *Pupina anceyi* B. et D.

410. *Pupina billeti* H. Fischer

411. *Pupina dorri* Daut.

412. *Pupina exclamationis* Mabilie

413. *Pupina illustris* Mabilie

414. *Pupina laffonti* Ancey

415. *Pupina mouhoti* Pfeiffer

416. *Pupina porcellana* Rochebrune

417. *Pupina siamensis* Möll.

418. *Pupina solidula* Möll.

419. *Pupina tonkiniana* Bav. et Daut.

420. *Pupina vescoi* A. Morlet

Giống Hybocystis Benson

421. *Hybocystis crossei* Daut.

Giống Alycaeus Gray

422. *Alycaeus anceyi* Mabilie

423. *Alycaeus (Dioryx) compactus* Bav. et Daut.

424. *Alycaeus (Charax) fraterculus* Bav. Et Daut.

425. *Alycaeus gibbus* Ferussac

426. *Alycaeus (Charax) heudei* Bav. et D.

427. *Alycaeus (Dioryx) major* Bav. et D.

428. *Alycaeus (Dioryx) messengeri* B. et D.

429. *Alycaeus mouhoti* Pfeiffer

430. *Alycaeus pilula* Gould

431. *Alycaeus requiescens* Mabilie

432. *Alycaeus vanbuensis* Bav. et Daut.

Giống Cataulus L. Pfeiffer

433. *Cataulus cochinchinensis* Reeve.

Giống Diplommatina Benson

434. *Diplommatina (Palaina) balansai* L. Morlet.

435. *Diplommatina belonis* Möll.

436. *Diplommatina (Sinica) fulra* Möll.

437. *Diplommatina (Sinica) fulra* Möllendorff subsp. *canalifera*

438. *Diplommatina (Sinica) fulra* Möll. subsp. *progastor* Möll.

439. *Diplommatina rufa* Möll.

440. *Diplommatina (Sinica) samuiana* Möll.

441. *Diplommatina (Sinica) scolops* Möll.

Giống Helicina Lamarck

442. *Helicina derouledoi* Wattebled

Giống Pseudotrochatella Nevill

443. *Pseudotrochatella grederiana* Möll.

444. *Pseudotrochatella jourdyi* (C. mss.) D.
445. *Pseudotrochatella nogieri* D. et d'Ham.

Giống Calybiium L. Morlet

446. *Calybiium massiei* L. Morlet

Giống Georissa Möllendorff

447. *Georissa chrysacme* Möll.
448. *Georissa decora* Möll.
449. *Georissa monterosaticana* N. et God.
450. *Georissa poirieri* Mabile

**II. Các loài đã thống kê được trong giai đoạn
1909 - 1975**

1. *Plectopylis messengeri* Gude
2. *Plectopylis verecunda* Gude
3. *Plectopylis gouldongi* Gude
4. *Plectopylis anterides* Gude
5. *Plectopylis fallax* Gude
6. *Plectopylis cystochila* Gude
7. *Boysidia (Paraboysidia) robusta* Bav. et Daut.
8. *Anauchen gheti* (Bav. et Daut.)
9. *Gylotrachela crossei* (Morlet)
10. *Systemostoma depressa* Jaeckel
11. *Systemostoma defixa* Bav. et Daut.
12. *Pupisona huensis* (Watteb)
13. *Coocodesma (Heudiella) oliveriana* (Annandale)
14. *Phaedusa pariei* (Morlet)
15. *Curvella tonkiniana* Jaeckel
16. *Opeas gracile* (Hulton)
17. *Opeas javanicum* Reeve
18. *Prosopias aceyi* Pilsbry
19. *Tortaxis ventrosulus* Bav. et Daut.
20. *Plectopylis villedaryi* Ancey
21. *Plectopylis laminifera* Möll.
22. *Kaliella haiphongensis* Daut.
23. *Kaliella quadrata* Morlet
24. *Kaliella* aff. *cavicola* (Gredler)
25. *Kaliella lamprocystis* Möllend
26. *Kaliella ordinaria* Ancey
27. *Kaliella subangulata* (Morlet)
28. *Trochomorpha paviei* Morlet
29. *Trochomorpha montana* Moll.
30. *Microcystina schmackeriana* Möll.
31. *Microcystina messengeri* Ancey
32. *Microcystina annamitica* Möll.
33. *Microcystina mirmidi* Daut.
34. *Microcystina leucocystis* Moll.

35. *acrochalamys despectus* Mabile
36. *Macrochalamys alluaudi* Bav. et Daut
37. *Macrochlamys bungeri* Cros. et Fis.
38. *Bradybaena (Eulitella) jourdyi* Morlet
39. *Bradybaena (Chalepotaxis) infantilis* (Gredcer)
40. *Buliminopsis* aff. *producta* Daut. et F.
41. *Macrocycloides crenulata* Yen
42. *Indoartemon bourguignati* (Mabile)
43. *Indoartemon fuchsianus tonkineana* n. subsp. Jaeckel
44. *Haploptychius costulatus* (Morlet)
45. *Haploptychius dorri* (Daut.)
46. *Haploptychius maximus* (Bavet Daut)
47. *Haploptychius diespites* Mabile
48. *Haploptychius anceyi* Mabile
49. *Haploptychius sinensis* (Gould)
50. *Oophana mabiliei* Bavet Daut
51. *Guella (Hultonella) bicolor* (Hulton)
52. *Sinoennea plagiostoma* Moll.
53. *Sinoennea atomaria* Daut.
54. *Sinoennea formica* Bav. et Daut.
55. *Georissa exarata* Möll.
56. *Georissa chrysacme* Möll.
57. *Georissa poirieri* Mabile
58. *Aphanoconia hunger ferdiana tonkiniana* Morlet
59. *Japonia (Lagochilus) insularis* Möll.
60. *Japonia scissimargo* (Benson)
61. *Japonia crossei* Morlet
62. *Scabrina hemidata* Bav. et Daut.
63. *Platyraphe leucacme* Möll.
64. *Pterocyclus danieli* Morlet
65. *Pupina (Tylotoechus) dorri* Daut.
66. *Pupina mansayi* Daut. et Fis.
67. *Pupina tonkiniana* Bav. et Daut.
68. *Pupina anceyi* Bav. et Daut.
69. *Diorix pilula* (Gould)
70. *Chamalycaeus nanus* (Morlet)
71. *Diplommatina balansai* Morlet
72. *Diplommatina debilis* Bav. et Daut.
73. *Diplommatina pagodula* Bav. et Daut.
74. *Diplommatina belonis* Möllend
75. *Diplommatina granum* Bav. et Daut.
76. *Diplommatina messengeri* Bav. et Daut.
77. *Diplommatina regularis* Bav. et Daut.
78. *Diplommatina aesopus* Bav. et Daut.
79. *Diplommatina demangei* Bav. et Daut.
80. *Diplommatina fulra* Möll.

81. *Diplommatina tonkiniana* n. sp.
82. *Bulimus dautzenbergi* (Watteb)
83. *Truncatella labiosa* Sowerby
84. *Succinea chinensis* Pfei.
85. *Nesopupa brracporensis* Gude
86. *Gastrocopta paracelsensis* Saurin
87. *Opeas gracile* Hulton
88. *Camaenella platyodon* Pfei.
89. *Opeas mauritianum* Pfei.
90. *Fruticola touranensis* Souleyet
91. *Ptychopona insularis* Saurin
92. *Nesopupa draconis* Saurin
93. *Microphyura nightingali* Saurin
94. *Phaedusa piesi* Szekereles
95. *Pseudonema cambojensis* Pfeiffer
96. *Leptacme eregia* Szekereles
97. *Tropidauchenia proctostoma* (Mab.)
98. *Indonema sajoi* Szekereles
99. *Chamalycaeus* (Dicharax) *fractus* V.
100. *Cyclophorus* (*Glossostylus*) *trouiensis*
bebdei Varga
101. *Pinteria croseus* Varga
102. *Dioryx pocsi* Varga
103. *Dioryx dongiensis* Varga

III. Các loài đã thống kê được trong giai đoạn sau 1975

A. Phân lớp ốc Có mang (*Prosobranchia*)

Cyclophoridae

1. *Alycaeus vanbuensis*
2. *Chamalycaeus fimbriatus*
3. *Chamalycaeus fractus*
4. *Chamalycaeus fraterculus*
5. *Chamalycaeus heudei*
6. *Chamalycaeus* sp. vi-01
7. *Cyathopoma* sp. vi-01
8. *Cyclophorus cambodgensis*
9. *Cyclophorus malayanus*
10. *Cyclophorus trouiensis*
11. *Cyclophorus volvulus*
12. *Dioryx dongiensis*
13. *Dioryx messengeri*
14. *Dioryx pocsi*
15. *Japonia diploloma*
16. *Japonia hypselospira*
17. *Japonia insularis*
18. *Japonia mariei*
19. *Japonia scissimargo*

20. *Japonia* sp. vi-01
21. *Japonia* sp. vi-02
22. *Japonia* sp. vi-03
23. *Japonia* sp. vi-04
24. *Japonia* sp. vi-05
25. *Japonia* sp. vi-06
26. *Japonia* sp. vi-07
27. *Japonia* sp. vi-08
28. *Platyraphe leucacme*
29. *Platyraphe vatheleti*
30. *Pterocyclos berthae*
31. *Pterocyclos danieli*
32. *Pterocyclos fischerianus* (?)
33. *Pterocyclos* sp. vi-01
34. *Scabrina hirsuta*
35. *Scabrina* sp. vi-01

Diplommatinidae

36. *Arinia* sp. vi-01
37. *Diplommatina debilis*
38. *Diplommatina demangei*
39. *Diplommatina fulva*
40. *Diplommatina herziana*
41. *Diplommatina rotundata*
42. *Diplommatina scolops*
43. *Diplommatina* sp. vi-a1
44. *Diplommatina* sp. vi-a2
45. *Diplommatina* sp. vi-a3
46. *Diplommatina* sp. vi-a4
47. *Diplommatina* sp. vi-a5
48. *Diplommatina* sp. vi-r1
49. *Diplommatina* sp. vi-r2
50. *Diplommatina* sp. vi-r3
51. *Diplommatina* sp. vi-s1
52. *Diplommatina* sp. vi-s2
53. *Diplommatina* sp. vi-s3
54. *Diplommatina* sp. vi-sp1
55. *Diplommatina* sp. vi-sp2
56. *Diplommatina* sp. vi-sp3
57. *Helicomorpha scalaroides*

Helicinidae

58. *Aphanoconia hungerfordiana halongensis*
59. *Geotrochatella jourdyi*
60. *Geotrochatella mouhoti*

Hydrocenidae

61. *Georissa chrysacme*
62. *Georissa decora*
63. *Georissa* sp. vi-1
64. *Georissa* sp. vi-2
65. *Georissa* sp. vi-3

66. *Georissa* sp. vi-4
67. *Georissa tongkingensis*

Pupinidae

68. *Pollicaria gravida*
69. *Pseudopomatias fulvus*
70. *Pseudopomatias* sp.
71. *Pupina brachysoma*
72. *Pupina exclamationis*
73. *Pupina flava*

B. Phân lớp ốc Có phổi (Pulmonata)

Achatinellidae

74. *Elasmias manilense*

Achatinidae

75. *Achatina fulica*

Ariophantidae

76. *Austenia messageri*
77. *Elaphroconcha denserugata*
78. *Euplecta* sp. vi-01
79. *Hemiplecta platytaenia*
80. *Hemiplecta* sp. vi-m1
81. *Macrochlamys despecta*
82. *Macrochlamys douvillei*
83. *Macrochlamys douvillei* aff.
84. *Macrochlamys malaccana* aff.
85. *Macrochlamys* sp. vi-1
86. *Macrochlamys* sp. vi-2
87. *Macrochlamys* sp. vi-3
88. *Macrochlamys* sp. vi-4
89. *Macrochlamys* sp. vi-5
90. *Megaustenia fragilis*
91. *Megaustenia imperator*
92. *Microcystina sinica*
93. *Microcystina* sp. vi-b01
94. *Microcystina* sp. vi-b02
95. *Microcystina* sp. vi-b03
96. *Microcystina* sp. vi-b04
97. *Microcystina* sp. vi-b05
98. *Microcystina* sp. vi-b06
99. *Microcystina* sp. vi-b07
100. *Microcystina* sp. vi-b08
101. *Microcystina* sp. vi-b09
102. *Microcystina* sp. vi-b10
103. *Microcystina* sp. vi-b11
104. *Microcystina* sp. vi-b12
105. *Microcystina* sp. vi-w1
106. *Microcystina* sp. vi-w2
107. *Microcystina* sp. vi-w3

108. *Microcystina* sp. vi-w5
109. *Microcystina* sp. vi-w6
110. *Microcystina* sp. vi-w7
111. *Microcystina* sp. vi-w8

Bradybaenidae

112. *Bradybaena jourdyi*
113. *Chalepotaxis infantilis*
114. *Nesiohelix vorvonga*
115. *Pseudiberus lamyi*
116. *Pseudiberus mellea*
117. *Pseudobuliminus productus*
118. *Pseudobuliminus* sp. vi-01
119. *Pseudobuliminus* sp. vi-02

Camaenidae

120. *Camaena billeti*
121. *Camaena choboensis*
122. *Camaena duporti*
123. *Camaena gabriellae*
124. *Camaena hahni*
125. *Camaena lavezzarii*
126. *Camaena vayssierei*
127. *Chloritis cincta*
128. *Chloritis insularis*
129. *Chloritis* sp. vi-1
130. *Chloritis* sp. vi-2
131. *Ganesella acris*
132. *Ganesella coudeini*
133. *Ganesella diplogramma*
134. *Ganesella fulvescens*
135. *Ganesella onestera*
136. *Ganesella oxytropis*
137. *Ganesella subperakensis*
138. gen. ? sp.
139. *Landouria ptychostyla*
140. *Moellendorffia blaisei*
141. *Moellendorffia loxotata*
142. *Neocepheus merarcha*

Clausiliidae

143. *Euphaedusa* sp. vi-1
144. *Formosana miranda*
145. *Hemiphaedusa* sp. vi-1
146. *Leptacme* sp. vi-1
147. *Leptacme* sp. vi-2
148. *Liparophaedusa rhopaloides*
149. *Oospira pyknosoma*
150. *Oospira* sp. vi-1
151. *Oospira vanbuensis*
152. *Phaedusa backhanensis*
153. *Phaedusa stenothyra*

154. *Tropidauchenia ardouiniana*
155. *Tropidauchenia proctostoma*
156. *Tropidauchenia* sp. vi-1

Endodontidae

157. *Charopa* sp. vi-1
158. *Philalanka nannophya* aff.
159. *Philalanka* sp. vi-1
160. *Philalanka* sp. vi-2
161. *Philalanka tricincta*

Enidae

162. *Mirus tenuistriatus*

Euconulidae

163. *Kaliella doliolum*
164. *Kaliella microconus*
165. *Kaliella scandens*
166. *Liardetia haiphongensis*
167. *Liardetia micula*
168. *Liardetia* sp. vi-k1
169. *Liardetia* sp. vi-k2
170. *Liardetia* sp. vi-k3
171. *Liardetia* sp. vi-k4
172. *Liardetia* sp. vi-k5
173. *Liardetia* sp. vi-o1
174. *Liardetia* sp. vi-o2
175. *Liardetia* sp. vi-o3
176. *Liardetia* sp. vi-r1
177. *Liardetia* sp. vi-r10
178. *Liardetia* sp. vi-r2
179. *Liardetia* sp. vi-r3
180. *Liardetia* sp. vi-r4
181. *Liardetia* sp. vi-r5
182. *Liardetia* sp. vi-r6
183. *Liardetia* sp. vi-r7
184. *Liardetia* sp. vi-r8
185. *Liardetia* sp. vi-r9
186. *Liardetia subelongata*
187. *Liardetia tonkingensis*
188. *Queridomus conulus*
189. *Queridomus* sp. vi-01
190. *Rahula jucunda*

Helicarionidae

191. *Helicarion* sp. vi-1
192. *Helicarion* sp. vi-2
193. *Sesara* sp. vi-01
194. *Sesara* sp. vi-02

Plectopylinidae

195. *Plectopylis phlyaria*
196. *Plectopylis schlumbergeri*

Streptaxidae

197. *Gulella bicolor*
198. *Haploptychius blaisei*
199. *Haploptychius costulatus*
200. *Haploptychius diespiter*
201. *Haploptychius dorri*
202. *Haploptychius fischeri*
203. *Haploptychius* sp. vi-1
204. *Haploptychius* sp. vi-2
205. *Haploptychius* sp. vi-3
206. *Haploptychius* sp. vi-4
207. *Haploptychius* sp. vi-5
208. *Haploptychius* sp. 6
209. *Indoartemon prestoni*
210. *Perrottetia cristatellus*
211. *Perrottetia daedalus*
212. *Sinoennea atomaria*
213. *Sinoennea calva*
214. *Sinoennea plagiostoma*
215. *Sinoennea* sp. vi-1
216. *Sinoennea* sp. vi-2
217. *Sinoennea* sp. vi-3
218. *Sinoennea* sp. vi-4
219. *Sinoennea* sp. vi-5
220. *Sinoennea* sp. vi-6
221. *Tonkinia mirabilis*

Strobilopsidae

222. *Eostrobilops* sp. vi-1

Subulinidae

223. *Curvella* sp. vi-1
224. *Curvella tonkiniana*
225. *Glessula paviei*
226. *Lamellaxis clavulinus*
227. *Lamellaxis gracilis*
228. *Opeas striatissimum*
229. *Paropeas achatinaceum*
230. *Prosopeas excellens*
231. *Prosopeas macilentum*
232. *Prosopeas ventrosulum*
233. *Subulinidae* indet.

Trochomorphidae

234. *Videna paviei*
235. *Videna sapeca*
236. *Videna* sp. vi-1
237. *Videna timorensis*

Vertiginidae

238. *Acinolaemus* sp. vi-01
239. *Acinolaemus* sp. vi-01a
240. *Aulacospira* sp. vi-01

241. *Aulacospira* sp. vi-02
 242. *Boysidia* sp. vi-01
 243. *Gastrocopta pediculus*
 244. *Gastrocopta servilis*
 245. *Hypselostoma crossei*
 246. *Ptychopatalula miccyla*
 247. *Ptychopatalula orcula*
 248. *Systemostoma defixa*
 249. *Systemostoma pauperrima*
 250. *Systemostoma* sp. vi-02
 251. *Systemostoma* sp. vi-03
 252. *Systemostoma* sp. vi-03a
 253. *Systemostoma* sp. vi-05
 254. *Systemostoma* sp. vi-06
 255. *Systemostoma* sp. vi-06a
 256. *Systemostoma* sp. vi-07
 257. *Systemostoma* sp. vi-09
 258. *Systemostoma* sp. vi-10
 259. *Systemostoma* sp. vi-11

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **P. Fischer**, 1891: Bull. Soc, Hist. Nat. Autum, 4: 87 - 276.
2. **H. Fischer et Ph. Dautzenberg**, 1904: Catalogue des mollusques terrestres et fluviatiles de l'Indochine orientale cités jusqu'à ce jour (dans: Mission Pavie Indo - Chine 1879 - 1895. Etudes diverses, III: 390 - 450.
3. **Gude G. K.**, 1909: Proc. Malaco. Soc., VIII(4): 213- 218. Pl. IX.
4. **Jaeckel V. S.**, 1950: Die Mollusken eines tropischen Flußgenistes aus Tonkin Arch, Mollu. BD 79, 1/3; 15- 20.
5. **Saurin E.**, 1955: Four. Conch., XCVIII(2): 69- 76, Pl 1.
6. **Saurin E.**, 1960: Four. Conch., C(3): 3- 9, Pl 1.
7. **Miklos. I. Szekerles**, 1969: Neue Angaben zur Kenntnis des clausiliiden südostasiens. Arch. Moll. 9, 5/6: 313- 317.
8. **Varga A.**, 1983: Neue Schnecken - Artesiaus Vietnam (Gastropoda, Cyclophoridae). Mátra Múzeum, gyöngyös Ungarn.
9. **Varga A.**, 1963: Eine neue Chamalycaen - Art aus Vietnam (Gastropoda, Cyclophoridae, Alycaeninae). Mátra Múzeum, gyöngyös.
10. **Vermeulen, J. J. Maassen, W. J. M.**, 2003: The non-marine mollusk fauna of the Pu Luong, Cuc Phuong, Phu Ly and Ha Long regions in northern Vietnam: (Unpublished).

OVERVIEW ON THE SPECIES COMPOSITION OF THE LANDSNAILS FAUNA OF VIETNAM

DANG NGOC THANH

SUMMARY

In Vietnam, research on the landsnails fauna has begun since the middle of the XIX Century, with the first publication of Souleyet (1841) on the landsnails of the Indochina Region, including some new species, described from central part of Vietnam (Tourane). In the following period, during 60's years, other important study results on the landsnails fauna of the southern part of Vietnam (Annam, Cochinchine) has been published: Crosse et Fischer (1863, 1854, 1869); Mabile et Le Mesle (1866); Crosse (1867, 1868). Publications on the landsnails species of the northern part of Vietnam occurred later, with many very known research works of different authors: Morlet (1855, 1891, 1892); Dautzenberg et Hamonville (1897); Dautzenberg (1893); Bavay et Dautzenberg (1891, 1900, 1901, 1903); Fischer (1848); Mollendorff (1901); Dautzenberg et Fischer (1905). During the war time in Vietnam until 1975, research on the landsnails were almost interrupted, except a few works of Saurin (1955, 1960); Jaeckel (1950); Varga (1963). It continued only after the war, with some recent publications realized in northern part of Vietnam (Vermeulen et Maassen, 2003).

Based on the aboved mentioned research results on the landsnails fauna of Vietnam until now, some preliminary remarks could be noted.

1. The species composition of the landsnails fauna of Vietnam, although far to be considered as full, is rather rich and diverse. Until now, totally 776 species has been recorded, essentially from mountain regions of the northern and southern parts of the country.

2. Landsnails fauna of Vietnam is rich of Prosobranchia species, among them, the genera Cyclophorus, (30 species), Alycaeus (11), Pupina (15) are the most high species number groups, living in limestone caves of high humidity of mountain region.

3. The species composition of landsnails of Vietnam, especially of the northern part, is clearly different in comparison with the fauna of the southern part of the indochinese region (Laos, Cambodge, Thailand).

4. Because of the great change in the classification of landsnails in malacology at present times in comparison with the past, it needs a total revision on the taxonomy of published landsnails species composition of Vietnam.

Ngày nhận bài: 1-10-2008